

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lam

Ông Nguyễn Hồng Diện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Hoàng Thị C**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang**; (vắng mặt)

- Bị đơn: anh **Trương Thanh B**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang**; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/05/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị **Hoàng Thị C** trình bày: Chị và anh **Trương Thanh B** đăng ký kết hôn ngày 26/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không hòa hợp, thường xuyên sảy ra cãi vã và đánh nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được và ngày càng trầm

trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy chị **C** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trương Thanh B**. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là cháu **Trương Khánh V**, sinh ngày 01/7/2012, cháu **Trương Khánh H**, sinh ngày 25/01/2015, cháu **Chương Trí A**, sinh ngày 13/06/2019. Khi làm đơn ly hôn chị **C** có nói chuyện với anh **B** và được anh **B** cho biết anh **B** có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 03 con, mặt khác bản thân chị **C** đang đi làm thuê ở xa nhà, công việc không ổn định, không có chỗ ở, chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con nên chị **C** có nguyện vọng để anh **B** là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vì chị **C** không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất, để cho chồng con sử dụng nên chị **C** có quan điểm chị **C** không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nếu anh **B** yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị **C** có quan điểm chị sẽ cấp dưỡng nuôi các con theo định kỳ hàng tháng với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/đổi với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị **C** là lao động tự do, đi làm thuê, công việc không ổn định, mức thu nhập trung bình là 8.000.000đ (tám triệu đồng)/tháng, tuy nhiên chị phải đi thuê nhà ở và chi tiêu sinh hoạt cho bản thân rất tốn kém nên chỉ có thể cấp dưỡng cho con với mức như vậy. Mặt khác các con chị đi học đều được Nhà nước hỗ trợ vì là người dân tộc ít người. Chị không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh mức thu nhập của chị và không có tài liệu gì khác ngoài những tài liệu đã nộp để cung cấp cho Tòa án. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: chị **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn trình bày ngày 26/7/2024, chị **Hoàng Thị C** đề nghị Tòa án giải quyết chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Trương Khánh H** và **Chương Trí A** cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/5/2024 bị đơn là anh **Trương Thanh B** trình bày: Anh và chị **Hoàng Thị C** tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, B theo quy định, trước đó anh chị có được tìm hiểu nhau. Anh chị cũng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị **C** đi ra ngoài làm thuê thì cấp bỏ hết người này đến người khác mặc dù anh không bắt được quả tang nhưng một số người khác nói lại cho anh biết, bản thân anh và gia đình hai bên đã khuyên bảo rồi nhưng chị **C** không nghe, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay chị **C** có đơn xin ly hôn, nếu chị **C** nhất trí cấp dưỡng nuôi các con một lần theo yêu cầu của anh **B**, đáp ứng các yêu cầu của anh **B** về con chung và tài sản, công nợ chung thì anh **B** mới nhất trí ly hôn, còn nếu không đáp ứng yêu cầu của anh **B** thì anh **B** không nhất trí ly hôn. Về con chung, vợ chồng có 03 con chung là cháu **Trương Khánh V**, sinh ngày 01/7/2012, cháu **Trương Khánh H**, sinh ngày 25/01/2015 và cháu **Chương Trí A**, sinh ngày 13/06/2019. Anh **B** có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vì chị **C** cũng đi làm xa suốt nên các cháu chủ yếu ở với anh **B**, hiện nay cả ba cháu cũng ở với anh được chăm sóc chu đáo, đảm bảo điều kiện học tập cho các cháu. Anh **B** yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi các con với phương thức cấp dưỡng một lần. Thực tế anh trực tiếp nuôi cả ba cháu trong thời gian qua thấy là mỗi tháng hết 6.000.000đ cho cả ba cháu, tức mỗi tháng chi để nuôi dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Do đó anh **B** yêu cầu chị **C***

cấp dưỡng một lần cho cả ba cháu là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng). Anh B là lao động tự do, làm ruộng, thỉnh thoảng đi làm thuê, mức thu nhập trung bình là 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/tháng. Anh B không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh mức thu nhập của anh và không có tài liệu gì khác để cung cấp cho Tòa án. Về tài sản công nợ chung: vợ chồng anh chị tự thỏa thuận theo mong muốn của anh là chị C để lại tài sản nhà đất cho các con và anh B là người quản lý, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung. Tại phiên tòa anh Trương Thanh B nhất trí ly hôn và trình bày nếu chị C không cấp dưỡng nuôi con 1 lần thì anh yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi các con với mức 4.500.000đ/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải, chị Hoàng Thị C và anh Trương Thanh B đã thống nhất được anh Trương Thanh B là người trực tiếp nuôi cả ba con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, về tài sản chung và công nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên anh chị không thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chung chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên theo quy định của pháp luật. Ý kiến của các cháu Trương Khánh V và Trương Khánh H là các con chung của chị Hoàng Thị C và anh Trương Thanh B, các cháu đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn được ở với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với Hiệu trưởng trường mầm non T1 nơi cháu C1 Trí A đang theo học cung cấp: mỗi một năm học cháu Chương Trí A được hỗ trợ chi phí học tập là 150.000đ x 9 tháng = 1.350.000đ. Đồng thời mỗi một năm học cháu A còn được hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000đ x 9 tháng = 1.440.000đ. Khoản hỗ trợ này là chi trả bằng tiền mặt và do người trực tiếp nuôi dưỡng cháu nhận. Năm học vừa rồi bố cháu là anh Trương Thanh B là người nhận các khoản hỗ trợ trên.

Tại biên bản xác minh ngày 27/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với Hiệu trưởng trường P1 và THCS T2 nơi các cháu Trương Khánh V và Trương Khánh H theo học cung cấp: năm học 2023-2024 mỗi cháu được hỗ trợ chi phí học tập 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn)/tháng và mỗi một năm học được hỗ trợ 9 tháng. Như vậy, mỗi một năm học cháu V được hỗ trợ chi phí học tập là 150.000đ x 9 tháng = 1.350.000đ và mỗi một năm học (nếu xã còn thuộc vùng III) cháu H cũng được hỗ trợ chi phí học tập là 150.000đ x 9 tháng = 1.350.000đ. Khoản hỗ trợ này là chi trả bằng tiền mặt và do người trực tiếp nuôi dưỡng cháu nhận.

Tại các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với trường thôn N và Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Thượng Bình phản ánh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của chị Hoàng Thị C và anh Trương Thanh B như sau: chị Hoàng Thị C và anh Trương Thanh B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L theo quy định. Sau khi kết hôn anh chị đến sinh sống tại thôn N, xã T, huyện B là quê của chị C. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống lẫn tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Về con chung, quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là cháu

Trương Khánh V, sinh ngày 01/7/2012, cháu **Trương Khánh H**, sinh ngày 25/01/2015 và cháu **Chương Trí A**, sinh ngày 13/06/2019. Hiện cả 03 cháu do anh **B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, được học tập đầy đủ. Chị **C** đi làm ăn xa, không có ở nhà. Gia đình anh **B**, chị **C** thuộc hộ kinh tế trung bình của thôn. Anh chị đều là lao động tự do, không rõ mức thu nhập. Về chi phí trung bình để chăm sóc, nuôi dưỡng một đứa trẻ tại địa phương **thôn N, xã T** bao gồm cả chi phí sinh hoạt, học tập, khám chữa bệnh và các chi phí khác để đảm bảo cuộc sống cho một đứa trẻ là khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Còn nếu được Nhà nước hỗ trợ, trợ cấp thì có thể không đến.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị **Hoàng Thị C** được ly hôn anh **Trương Thanh B**. Việc nuôi con: đề nghị Hội đồng xét xử giao cả ba cháu **Trương Khánh V** sinh ngày 01/07/2012; **Trương Khánh H**, sinh ngày 25/01/2015 và **Chương Trí A**, sinh ngày 13/06/2019 cho anh **Trương Thanh B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị **Hoàng Thị C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Trương Khánh H** và **Chương Trí A** mỗi cháu là 1.725.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Về án phí: nguyên đơn là chị **Hoàng Thị C** được miễn án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn là chị **Hoàng Thị C** có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh **Trương Thanh B**, anh **Trương Thanh B** có nơi cư trú tại **thôn N, xã T, huyện B**, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị C** và anh **Trương Thanh B** xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp, mặc dù gia đình đã khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **Hoàng Thị C** có yêu cầu xin ly hôn anh **Trương Thanh B**, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Hoàng Thị C** được ly hôn anh **Trương Thanh B**.

[3] Về người trực tiếp nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là cháu **Trương Khánh V**, sinh ngày 01/7/2012, cháu **Trương Khánh H**, sinh ngày 25/01/2015, cháu **Chương Trí A**, sinh ngày 13/06/2019. Quá trình giải quyết vụ án, chị **C** và anh **B** đã thỏa thuận được anh **B** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay các cháu đều do anh **B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định, được học tập đầy đủ, chị **C** đi làm ăn xa không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con; các cháu **Trương Khánh V** và **Trương Khánh H** (trên 7 tuổi) đều có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả ba cháu cho anh **Trương Thanh B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trương Thanh B** và chị **Hoàng Thị C** không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Anh **B** yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi con một lần là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), nếu chị **C** không cấp dưỡng nuôi con một lần thì anh yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi các con với mức 4.500.000đ/tháng. Chị **C** không nhất trí cấp dưỡng nuôi con một lần với mức 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và có quan điểm vì chị không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất, để cho chồng con sử dụng nên chị **C** không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nếu anh **B** yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị **C** có quan điểm sẽ cấp dưỡng nuôi các con theo định kỳ hàng tháng với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị **Hoàng Thị C** đề nghị Tòa án giải quyết chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Trương Khánh H** và **Chương Trí A**.

[5] Xét thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là chị **Hoàng Thị C** thấy rằng: Chị **C** là lao động tự do, công việc không ổn định, chị trình bày mức thu nhập trung bình là 8.000.000đ (tám triệu đồng)/tháng, tuy nhiên chị đi làm thuê ở xa, phải thuê nhà ở và chi tiêu sinh hoạt cho bản thân rất tốn kém, anh **B** cũng xác nhận chị **C** là lao động tự do, đi làm ăn ở xa, nhà đất và đồ đạc trong gia đình của hai vợ chồng tại **thôn N**, hiện anh **B** và các con quản lý, sử dụng.

[6] Xét nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thấy rằng: anh **B** xác nhận thực tế anh trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu trong thời gian qua mỗi tháng hết 6.000.000đ cho cả ba cháu. Tại biên bản xác minh với trưởng thôn **Nậm P** về chi phí trung bình để chăm sóc, nuôi dưỡng một đứa trẻ tại địa phương **thôn N, xã T** bao gồm cả chi phí sinh hoạt, học tập, khám chữa bệnh và các chi phí khác để đảm bảo cuộc sống cho một đứa trẻ là khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, nếu được Nhà nước hỗ trợ, trợ cấp thì có thể không đến. Tại các biên bản xác minh với Hiệu trưởng các trường học nơi các con chung của anh chị đang theo học thấy rằng các con của anh chị đều được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước được chi trả bằng tiền mặt cho người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nhận. Do đó việc anh **B** yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi con một lần với mức 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) là không phù hợp với điều kiện kinh tế của chị **C** nên không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy, nhu cầu thiết yếu của cả ba con là khoảng 6.000.000đ/tháng, đây là khoản chi phí cả anh **B** và chị **C** cùng phải chịu trách

nhiệm, không chỉ riêng người không trực tiếp nuôi con. Tháng lương tối thiểu vùng tại thôn N, xã T, B, Hà Giang là 3.450.000đ/tháng. Xét nguyện vọng của chị C cấp dưỡng cho 02 con nhỏ là cháu Trương Khánh H và Chương Trí A. Hội đồng xét xử thấy cần buộc chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con nhỏ là cháu H và cháu A với mức bằng một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại thôn N, xã T là 1.725.000đ/tháng đối với mỗi cháu (tổng mức cấp dưỡng 3.450.000đ/tháng) là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của chị C và đủ để cùng với anh B đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho các con chung, căn cứ Điều 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[8] Về chia tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: chị Hoàng Thị C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị C được ly hôn anh Trương Thanh B.

2. Về việc nuôi con: Xử giao các cháu Trương Khánh V sinh ngày 01/7/2012, Trương Khánh H, sinh ngày 25/01/2015, Chương Trí A, sinh ngày 13/06/2019 cho anh Trương Thanh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Khánh H với mức 1.725.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi cháu Chương Trí A với mức 1.725.000đ/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: định kỳ hàng tháng. Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi các con là anh Trương Thanh B.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh B, chị C có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị C được miễn án phí theo luật định.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Việt Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diệm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đông Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hà Tuấn Vĩnh

N